

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KON RẪY  
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-ST.

Ngày: 18 - 3- 2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KON RẪY, TỈNH KON TUM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Phương Loan

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Đình Nghĩa và ông Hoàng Văn Do.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông A Thống – Thư ký TAND huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.

Trong ngày 18 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2020/TLST- DS, ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST- DS ngày 18 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Thôn X, thị trấn Đăk Rve, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum (Có mặt).

*Các bị đơn:*

1/Anh Thái Xuân H, sinh năm 1974.

Nơi làm việc: Công an huyện K, tỉnh Kon Tum.

Địa chỉ: Thôn Y, xã Đ R, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2/ Chị Võ Thị V, sinh năm 1980.

Nơi làm việc: Trường THCS xã T , huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum .

Địa chỉ: thôn Z, xã T, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 10 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Kim C trình bày:

Vào các năm 2017 và 2018, vợ chồng anh Thái Xuân H và chị Võ Thị V có vay tiền của bà với tổng số tiền 350.000.000 đồng. Đến ngày 21/ 4/ 2020, hai bên chốt lại

anh H, chị V còn nợ bà 128.000.000 đồng, anh H và chị V có viết giấy cam kết sẽ trả mỗi tháng 5.000.000 đồng cho bà C kể từ ngày 21/4/2020 đến khi trả hết nợ. Tuy nhiên, sau đó, anh H và chị V chỉ trả được cho bà C được 18.000.000 đồng và không tiếp tục thực hiện trả nợ theo cam kết, đến nay, số tiền anh H và chị V còn nợ bà C là 110.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Kim C yêu cầu buộc anh H, chị V phải trả số tiền còn nợ là 110.000.000 đồng và 6.000.000 đồng tiền lãi từ ngày thỏa thuận tại công an huyện 21/4/2020 đến ngày nộp đơn khởi kiện 05/10/2021. Tại phiên tòa, bà C chỉ yêu cầu anh H trả nợ và bổ sung thêm yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 05/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay (18/3/2021) là 5.000.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 121.000.000 đồng và yêu cầu trả hết một lần. Đồng thời, yêu cầu anh H phải trả lãi từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (19/3/2021) đến ngày trả xong toàn bộ số nợ cho bà tính theo mức lãi suất 1%/ tháng. Bà không yêu cầu chị V trả nợ vì mặc dù chị V, anh H vay nợ C nhưng bà không tin vào khả năng thi hành án của chị V.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn - anh Thái Xuân H và chị Võ Thị V thống nhất về số tiền còn nợ bà Nguyễn Thị Kim C 110.000.000 đồng, nhưng chưa thống nhất về phương thức trả nợ và tiền lãi vì hiện tại gia đình đang khó khăn. Tại phiên tòa, chị V đồng ý chị và anh H trả toàn bộ số nợ gốc và lãi 121.000.000 đồng, lãi chậm thi hành án 1%/ tháng như bà C yêu cầu nhưng chị V xin trả dần 3.000.000 đồng/ tháng vì kinh tế gia đình khó khăn, mỗi tháng phải trả nợ nhiều nơi nên không có khả năng trả một lần.

Anh Thái Xuân H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt và anh thống nhất theo ý kiến vợ là chị Võ Thị V.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Kim C có bổ sung yêu cầu tính tiền lãi từ ngày nộp đơn khởi kiện (05/10/2020) đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay (18/3/2021) và yêu cầu về lãi chậm thi hành án từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm đến khi anh H, chị V trả hết số tiền nợ gốc và lãi là 121.000.000 đồng. Xét thấy yêu cầu bổ sung của bà C không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Kim C và các bị đơn - anh Thái Xuân H và chị Võ Thị V được khởi kiện trong thời hạn luật định, các đương sự đều cư trú tại huyện Kon Rẫy nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum. Tranh chấp phát sinh giữa các bên là tranh chấp dân sự - hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy giải quyết là đúng thẩm quyền

theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành.

Tại phiên tòa, bị đơn - anh Thái Xuân H vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần 2 và có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét sự vắng mặt của anh H không gây trở ngại cho việc xét xử phiên tòa nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt anh H theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào các giấy vay nợ vào các năm 2017, 2018 và biên bản cam kết ngày 21/4/2020 được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Kim C và anh Thái Xuân H, chị Võ Thị V thì xác định được sự việc như sau: Ngày 23/9/2017, anh H và chị V vay bà C số tiền 150.000.000 đồng trong thời hạn 01 tháng, từ ngày 23/9/2017 đến ngày 23/10/2017, không có lãi. Ngày 01/4/2018, anh H và chị V vay bà C số tiền 200.000.000 đồng trong thời hạn 03 tháng, không có lãi. Ngày 21/4/2020, hai bên viết giấy chốt lại số nợ còn 128.000.000 đồng và anh H cam kết sẽ trả cho bà C 5.000.000 đồng/ tháng kể từ ngày 21/4/2020 cho đến khi hết nợ. Các giấy tờ này phù hợp với quy định của pháp luật về hợp đồng vay tài sản được quy định tại các Điều 463, 470 Bộ luật dân sự. Trong các giấy tờ vay thể hiện đây là khoản nợ có thời hạn. Đồng thời, các chủ thể tham gia ký kết đều là người có đủ năng lực hành vi dân sự, đủ thẩm quyền ký kết theo quy định của pháp luật, nội dung của các giấy vay tiền, giấy cam kết trên không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, theo quy định tại các Điều 117, 119, 463 Bộ luật Dân sự 2015, các giấy vay tiền trên đều là hợp pháp và phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên tham gia ký kết.

[4] Xét thấy: Hợp đồng vay tiền giữa bà C với anh H, chị V là hợp đồng có thời hạn. Theo các giấy vay tiền nói trên thì tổng số tiền anh H, chị V nợ bà C là 350.000.000 đồng. Tuy nhiên, hai bên đều công nhận anh H, chị V đã trả một phần theo giấy cam kết ngày 21/4/2020, hiện nay chỉ còn nợ bà C 110.000.000 đồng. Xong, anh H, chị V không trả nợ đúng thỏa thuận tại giấy cam kết ngày 21/4/2020 nên bà C khởi kiện yêu cầu anh H, chị V phải trả nợ gốc 110.000.000 đồng và lãi là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015.

[5] Về số tiền lãi bà C yêu cầu: Theo quy định tại Khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự thì anh H, chị V phải trả lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Do đó, bà C yêu cầu số tiền lãi 6.000.000 đồng tiền lãi từ ngày thỏa thuận tại công an huyện 21/4/2020 đến ngày nộp đơn khởi kiện 05/10/2021 đối với số tiền chưa trả, tiền lãi từ ngày 05/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay (18/3/2021) là 5.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (19/3/2021) đến ngày trả xong toàn bộ số nợ cho bà tính theo mức lãi suất 1%/ tháng là không quá 20%/năm theo quy định. Số tiền lãi mà các bên thống nhất với nhau như trên phù hợp với mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về người có nghĩa vụ trả nợ: Tại phiên tòa, bà C yêu cầu chỉ một mình anh H trả nợ cho bà mà không yêu cầu chị V trả vì lý do bà không tin tưởng vào khả năng thi hành án của chị V. Tuy nhiên, theo các giấy vay tiền và lời trình bày của bà C, chị V tại phiên tòa, ý kiến của anh H có tại hồ sơ thì đây là khoản vay C của chị V và anh H. Do đó, chị V và anh H có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà C. Việc bà C yêu cầu chỉ anh H trả toàn bộ khoản nợ C này là ảnh hưởng đến quyền lợi của anh H và không có ý kiến đồng ý của anh H nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim C. Buộc anh Thái Xuân H và chị Võ Thị V phải trả cho bà C số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 18/3/2021 là 121.000.000 đồng và lãi chậm trả theo mức lãi suất 1%/tháng, kể từ ngày 19/3/2021 đến khi anh H, chị V trả xong toàn bộ số tiền nợ nói trên.

[7] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà C được chấp nhận nên anh H, chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017;

Áp dụng các Điều 117, 119, Điều 463, Khoản 1 và Khoản 4 Điều 466, Khoản 1 Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự 2015;

#### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim C, buộc anh Thái Xuân H và chị Võ Thị V phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Kim C số tiền 121.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi một triệu đồng*). (Trong đó: nợ gốc là 110.000.000 đồng và tiền lãi là 11.000.000 đồng).

Áp dụng Điều 468 Bộ luật dân sự: Kể từ ngày bản án có hiệu lực và bà Nguyễn Thị Kim C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Thái Xuân H và chị Võ Thị V chậm trả số tiền nói trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả là 1%/ tháng tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả cho đến khi thi hành án xong.

**2. Về án phí:** Căn cứ khoản 3 Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017; áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc anh Thái Xuân H và chị Võ Thị V phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 6.050.000 đồng (*Sáu triệu, không trăm năm mươi ngàn đồng*).

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.900.000 đồng (*Hai triệu chín trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2016/0001665 ngày 12/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.

**3. Về quyền kháng cáo:** Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017;

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ khi niêm yết.

*Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Kon Rẫy;
- Chi cục THADS huyện Kon Rẫy;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Lê Thị Phương Loan***